

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2021

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q S, TỈNH Q N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Ánh.

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị M, sinh năm 1975. *Vắng mặt;*

- Bị đơn: anh Đoàn Quang V, sinh năm 1979. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn H M, xã Q X 1, huyện Q S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Phan Thị M trình bày: Chị và anh V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh V ghen tuông, đánh đập và xúc

phạm chị. Nay, chị M thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: có 03 con chung tên là Đoàn Gia H, sinh ngày 29/7/2002; Đoàn Gia L, sinh ngày 22/9/2005 và Đoàn Gia Kk, sinh ngày 17/01/2017. Hiện cháu H đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Chị đang trực tiếp nuôi hai cháu L và Kk. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu Kk, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Đoàn Quang V: trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh V có nơi cư trú tại thôn Hòa Mỹ, xã Q X 2, huyện Q S, tỉnh Q N; chị M yêu cầu ly hôn với anh V và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q S, tỉnh Q N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân Quế Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết chị M cho rằng: Sau khi kết hôn, chị và anh V sống hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, do anh V ghen tuông, xúc phạm và đánh đập chị. Ngày 18/6/2021, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Q X 2, kết quả như sau: vào đầu tháng 6/2021, anh V đánh đập chị M, chị đến ở nhờ tại trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Nam và ngày 08/6/2021, trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q X 2 hòa giải, anh V thừa nhận và hứa không đánh đập chị M nữa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Đoàn Gia H (con của anh V), cháu H cho biết nguyên nhân dẫn đến chị M ly hôn do anh V ghen tuông, đánh đập chị M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị M và anh V có 03 con chung tên là Đoàn Gia H, sinh ngày 29/7/2002; Đoàn Gia L, sinh ngày 22/9/2005 và Đoàn Gia Kk, sinh ngày 17/01/2017. Hiện cháu H đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Chị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L, Kk và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị M, thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Hơn nữa, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Cháu L có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Kk và cháu L cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M về “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị M và anh Đoàn Quang V.

2. Về con chung: Giao hai cháu Đoàn Gia L, sinh ngày 22/9/2005 và Đoàn Gia Kk, sinh ngày 17/01/2017 cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị M phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001841 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q S, tỉnh Q N.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nH dân xã Q X 2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2002)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ